

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính
thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 5095/TTr-SVHTT ngày 17 tháng 10 năm 2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 8775/TTr-STP ngày 28 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính mới ban hành và 01 thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao đã được công bố tại Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- UBND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Tư pháp (Phòng KSTTHC);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VPUB: PVP/VX;
- Phòng VX;
- TT Công báo; TT Tin học TP;
- Lưu: VT (P.VX-T). 25

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Lê Thanh Liêm



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5320/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính mới
Lĩnh vực Thể thao		
1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận (tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; danh mục hoạt động thể thao kinh doanh).	+ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007. + Nghị định 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.	

B. Danh mục thủ tục hành chính thay thế và bị thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao

STT	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên thủ tục hành chính bị thay thế	Số hồ sơ TTHC	Tên văn bản QPPL quy định nội dung thay thế
Lĩnh vực Thể thao				
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.	T-HCM-270902-TT	– Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007. – Nghị định 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.
2		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động billards & snooker.	T-HCM-270903-TT	
3		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình.	T-HCM-270904-TT	
4		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển.	T-HCM-270905-TT	
5		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động võ đạo giải trí.	T-HCM-270906-TT	
6		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn.	T-HCM-270907-TT	
7		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động khiêu vũ thể thao.	T-HCM-270908-TT	

8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động môn võ cổ truyền và vovinam.	T-HCM-270909-TT
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quần vợt.	T-HCM-270910-TT
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ.	T-HCM-270911-TT
11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và điều bay động cơ.	T-HCM-270912-TT
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động tập luyện quyền anh	T-HCM-270913-TT
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo.	T-HCM-270914-TT
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao.	T-HCM-270915-TT
15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karatedo.	T-HCM-270916-TT
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể	T-HCM-270917-TT

		thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng.		
17		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo.	T-HCM-270918-TT	
18		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá	T-HCM-270919-TT	
19		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn.	T-HCM-270920-TT	
20		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông.	T-HCM-270921-TT	
21		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin.	T-HCM-270922-TT	
22		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển giải trí.	T-HCM-270923-TT	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận (tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; danh mục hoạt động thể thao kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi qua đường bưu điện của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Văn hóa và Thể thao thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp;

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đề nghị cấp lại (theo mẫu);
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;
- + Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.
- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) **Thời hạn giải quyết:** Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

i) **Phí, lệ phí:** Không.

k) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- **Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao:**

+ Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

❖ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

❖ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Nguồn tài chính do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự chịu trách nhiệm;

❖ Có nhân viên chuyên môn khi kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP,

+ Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp sau đây phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP.

❖ Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

❖ Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

+ Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

❖ Người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Nhân viên cứu hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Nhân viên y tế thường trực theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

– Điều kiện về nhân viên chuyên môn:

Điều kiện về nhân viên chuyên môn của cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP như sau:

+ Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

❖ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

❖ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

❖ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Nhân viên cứu hộ tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người được tập huấn chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Nhân viên y tế tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người có trình độ chuyên môn từ trung cấp y tế trở lên.

– Điều kiện kinh doanh đối với một số hoạt động thể thao cụ thể

+ Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong nhà, trong sân tập:

❖ Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Có đủ diện tích sân tập trong nhà, sân tập đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

+ Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tại vùng trời, vùng biển, sông hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác:

❖ Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Có khu vực kinh doanh hoạt động thể thao thuộc vùng trời, vùng biển, sông, hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác. Khu vực kinh doanh hoạt động thể thao này do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự xác định.

+ Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong bể bơi:

❖ Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Nước bể bơi đáp ứng mức giới hạn chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt thông thường đã được công bố.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

+ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.



Mẫu số 01

Mặt trước:

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG**

**Tên Sở Văn hóa, Thể thao
và Du lịch hoặc Sở Văn hóa
và Thể thao trong trường
hợp được ủy quyền cấp
Giấy chứng nhận đủ điều
kiện**

Số: /GCN.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao**

1. Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:// nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:



4. Địa điểm kinh doanh:

5. Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện này. Nếu mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải thông báo ngay cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện biết.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện này phải để tại địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.



Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được
ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng
chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:.....

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngàytháng.... năm....



5. Lý do đề nghị cấp lại:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng..... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được
ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt
động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị cấp
Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo
quy định tại Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính
phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của
Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng
điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2
và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày tháng....



năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

.....

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Văn hóa và Thể thao thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp;

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đề nghị cấp lại (theo mẫu);
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng.
- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.



g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

– Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

– Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

– Mẫu Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

+ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.



Mặt trước:

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG**

**Tên Sở Văn hóa, Thể thao
và Du lịch hoặc Sở Văn hóa
và Thể thao trong trường
hợp được ủy quyền cấp
Giấy chứng nhận đủ điều
kiện**

Số: /GCN.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao**

1. Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:// nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:



4. Địa điểm kinh doanh:

5. Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện này. Nếu mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải thông báo ngay cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện biết.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện này phải để tại địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.



Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được
ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng
chữ in hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do:cấp ngày....
thángnăm, đăng ký thay đổi lần thứngàytháng.... năm....



5. Lý do đề nghị cấp lại:

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

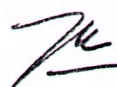
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng..... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được
ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt
động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị cấp
Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo
quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính
phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của
Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng
điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2
và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày tháng....



năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):
.....

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



B. Thủ tục thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp.

a) Trình tự thực hiện:

– Bước 1: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc gửi qua đường bưu điện của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Văn hóa và Thể thao thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp;

– Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh (theo mẫu);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn nếu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 106/2016/NĐ-CP như kinh doanh cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao; kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện (Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định), kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm (Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định)

- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao: (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- **Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao:**

+ Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

❖ Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

❖ Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Nguồn tài chính do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự chịu trách nhiệm;

❖ Có nhân viên chuyên môn khi kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP,

+ Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao thuộc một trong các trường hợp sau đây phải có người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP.

❖ Cung cấp dịch vụ hướng dẫn tập luyện thể thao;

❖ Kinh doanh hoạt động thể thao thuộc Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện. Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có hướng dẫn tập luyện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

+ Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm phải có đủ nhân viên chuyên môn sau đây:

❖ Người hướng dẫn tập luyện thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Nhân viên cứu hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Nhân viên y tế thường trực theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP hoặc văn bản thỏa thuận với cơ sở y tế gần nhất về nhân viên y tế để sơ cứu, cấp cứu người tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm trong trường hợp cần thiết.

Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

– Điều kiện về nhân viên chuyên môn:

Điều kiện về nhân viên chuyên môn của cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 của Nghị định 106/2016/NĐ-CP như sau:

+ Người hướng dẫn tập luyện thể thao đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

❖ Là huấn luyện viên hoặc vận động viên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh có đăng cấp từ cấp 2 trở lên hoặc tương đương;

❖ Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động thể thao đăng ký kinh doanh;

❖ Được tập huấn chuyên môn thể thao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Nhân viên cứu hộ tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người được tập huấn chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Nhân viên y tế tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người có trình độ chuyên môn từ trung cấp y tế trở lên.

– Điều kiện kinh doanh đối với một số hoạt động thể thao cụ thể

+ Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong nhà, trong sân tập:

❖ Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Có đủ diện tích sân tập trong nhà, sân tập đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

+ Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tại vùng trời, vùng biển, sông hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác:

❖ Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP;



❖ Có khu vực kinh doanh hoạt động thể thao thuộc vùng trời, vùng biển, sông, hồ, vùng núi hoặc khu vực công cộng khác. Khu vực kinh doanh hoạt động thể thao này do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự xác định.

+ Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong bể bơi:

❖ Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định 106/2016/NĐ-CP;

❖ Nước bể bơi đáp ứng mức giới hạn chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt thông thường đã được công bố.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.

+ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.



Mẫu số 01

Mặt trước:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC
TRUNG ƯƠNG

Tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du
lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao
trong trường hợp được ủy quyền
cấp Giấy chứng nhận đủ điều
kiện

Số: /GCN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

1. Tên doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:// nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

4. Địa điểm kinh doanh:



5. Danh mục hoạt động thể thao kinh doanh (ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



Mặt sau:

NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh hoạt động thể thao, doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không được bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện này. Nếu mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải thông báo ngay cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện biết.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện này phải để tại địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện, phải xuất trình khi cơ quan chức năng có yêu cầu.
3. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định của pháp luật về thể dục, thể thao.
4. Khi chấm dứt kinh doanh hoạt động thể thao, phải thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện.



Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được
ủy quyền)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):.....

Tên giao dịch (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do: cấp
ngày.... tháng.... năm..., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng.... năm

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: Fax:

Website: Email:

4. Họ tên người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: Chức danh:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Số thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu:

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:



5. Địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao:

.....

6. Căn cứ vào các quy định hiện hành, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao cho doanh nghiệp để kinh doanh hoạt động thể thao(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh) theo quy định tại Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

7. Cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kinh doanh hoạt động thể thao;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao./.

....., ngày tháng.... năm

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TÓM TẮT

**Tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh
(ghi cụ thể hoạt động thể thao kinh doanh)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.../Sở Văn
hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể
thao) tỉnh, thành phố... (trong trường hợp được
ủy quyền)

- Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (viết bằng chữ in
hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:..... Email:

Sau đây là tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh ...(ghi cụ thể hoạt
động thể thao kinh doanh) của (tên doanh nghiệp đề nghị cấp
Giấy chứng nhận đủ điều kiện) như sau:

1. Nhân viên chuyên môn (trong trường hợp phải có nhân viên chuyên môn theo
quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính
phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):

- Số lượng:

- Trình độ chuyên môn của từng nhân viên (đáp ứng quy định tại Điều 6 của
Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định
điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao).

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh:

Mô tả về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao, khu vực kinh doanh (đáp ứng
điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2
và điểm b khoản 3 Điều 7 của Nghị định số...../2016/NĐ-CP ngày tháng....



năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao):
.....

3. Tự xác định nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh:

Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung kê khai;
- Duy trì việc đáp ứng các điều kiện nêu trên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp, luật về các điều kiện đã trình bày./.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

